

Số: 5478234

|                                            | Kia New Carnival 2.2D Premium 8S                      | Kia New Carnival 1.6T HEV Luxury 8S |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 1.459.000.000đ                                        | 1.399.000.000đ                      |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                                                       |                                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 2010 x 1775                                    | 5155 x 2010 x 1785                  |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                                                  | 3090                                |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                                                  | 5800                                |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                                                   | 172                                 |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2080                                                  |                                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2800                                                  |                                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1139 - 4110                                           | 1139 - 4110                         |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                                                    | 72                                  |
| Số chỗ ngồi                                | 8                                                     | 8                                   |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                      | SX-LR trong nước                    |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                                                       |                                     |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                      | SmartStream 1.6 Turbo Hybrid        |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                                  |                                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                                            | 242 hp (Kết hợp)                    |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                                       | 367 Nm (Kết hợp)                    |
| Hộp số                                     | 8AT                                                   | 6AT                                 |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                       | Cầu trước (FWD)                     |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                                            |                                     |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                      |                                     |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                   |                                     |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                   |                                     |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                            | 235/55 R19                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.8                                                   |                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.7                                                   |                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.5                                                   |                                     |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart                                | Normal/Eco/Sport/Smart              |
| NGOẠI THẤT:                                |                                                       |                                     |
| Cụm đèn trước                              | LED                                                   | LED                                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                     | ●                                   |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                     | LED                                 |
| Đèn sương mù                               | LED                                                   | -                                   |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                   | Halogen                             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                     | ●                                   |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                     | ●                                   |
| Trang bị khác                              | Baga mui, Cốp điện, Bệ bước chân, Cửa hông trượt điện | Cốp chỉnh điện thông minh           |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                                                       |                                     |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                     | ●                                   |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                    | Da                                  |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                     | ●                                   |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                     | -                                   |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                     |                                     |

|                                     |                                               |                |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ●                                             | -              |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi    | ●                                             | -              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện              | ●                                             | ●              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin       | 12.3"                                         | 4.2            |
| Màn hình giải trí trung tâm         | 12.3"                                         | 12.3           |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto  | Không dây                                     | Không dây      |
| Hệ thống điều hòa tự động           | ●                                             | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa            | 3                                             | 3 vùng độc lập |
| Cửa gió cho hàng ghế sau            | Hàng 2 và 3                                   | Hàng 2 và 3    |
| Chìa khóa thông minh                | ●                                             | ●              |
| Khởi động nút bấm                   | ●                                             | ●              |
| Khởi động từ xa                     | ●                                             | ●              |
| Hệ thống âm thanh                   | 6 loa                                         | 6 loa          |
| Lấy chuyển số                       | ●                                             | ●              |
| Sạc không dây Qi                    | ●                                             | -              |
| Phanh đỗ điện tử                    | ●                                             | ●              |
| Giữ phanh tự động Autohold          | ●                                             | ●              |
| Rèm che nắng                        | ● ( hàng 2 và 3)                              | -              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX          | ●                                             | ●              |
| Trang bị khác                       | Hàng ghế 2 chỉnh điện, tích hợp sưởi, làm mát |                |

#### AN TOÀN:

|                                                 |                                                      |             |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------|
| Số túi khí                                      | 8                                                    | 8           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                                                    |             |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                                    | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                                                    | ●           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước, sau, bên hông                                 | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                                                    |             |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                                                    |             |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                                                    |             |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                                                    |             |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                                                    |             |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                                                    | ●           |
| Camera lùi                                      | Camera 360                                           | ●           |
| Khác                                            | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) |             |